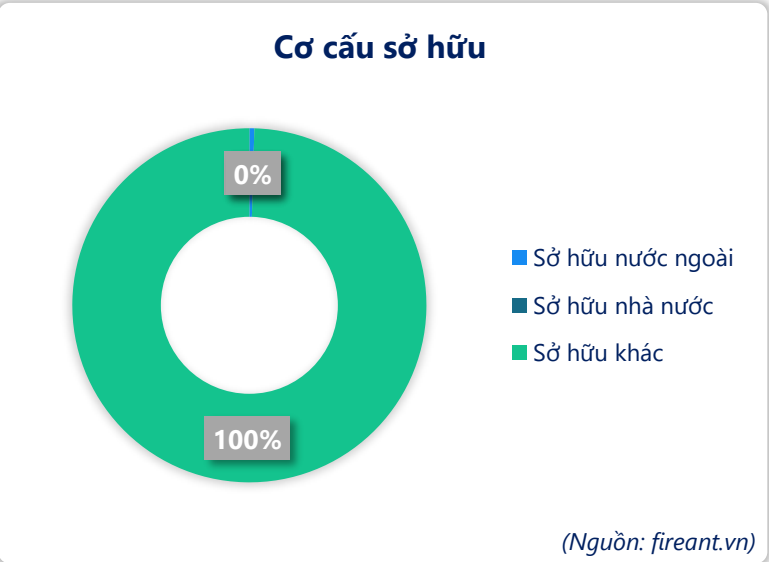
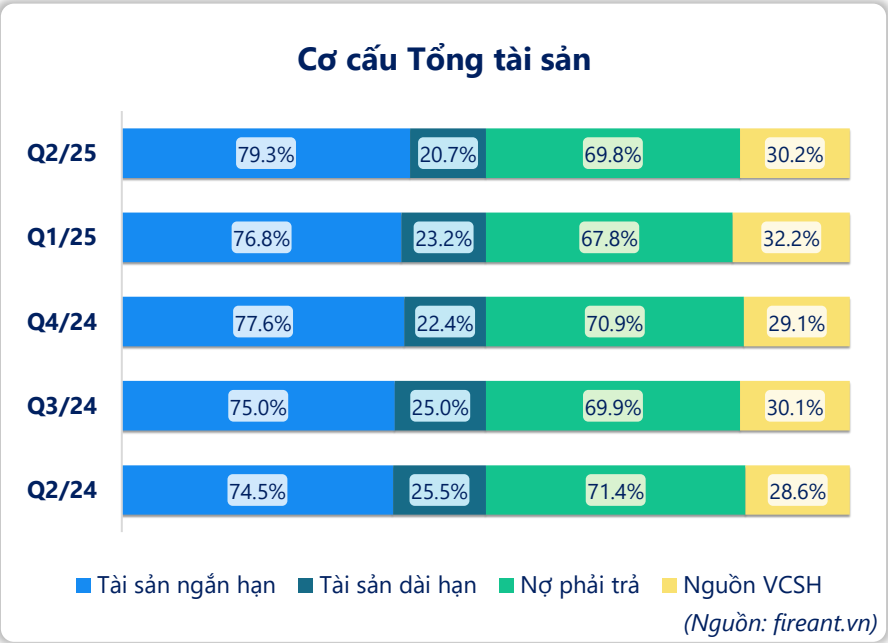
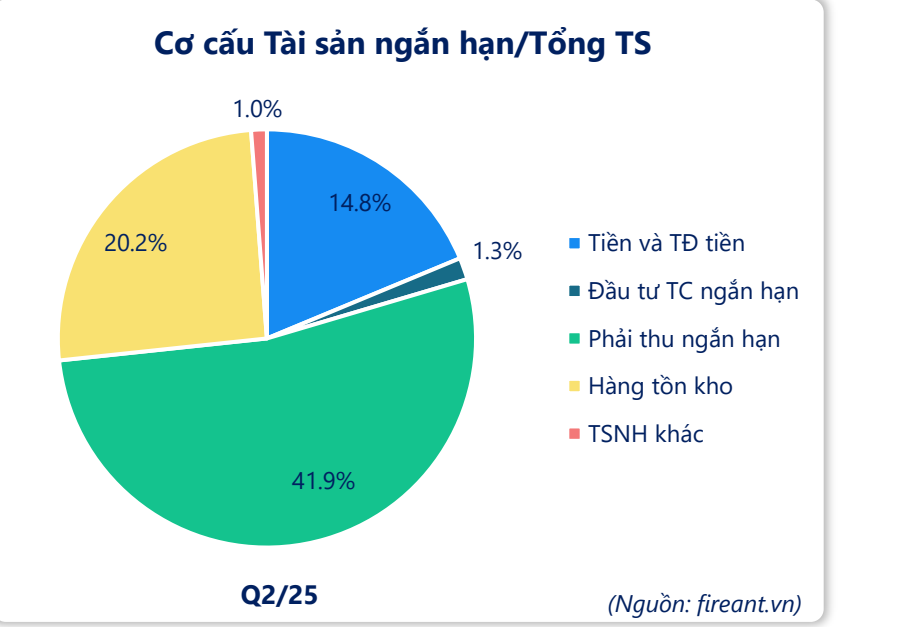
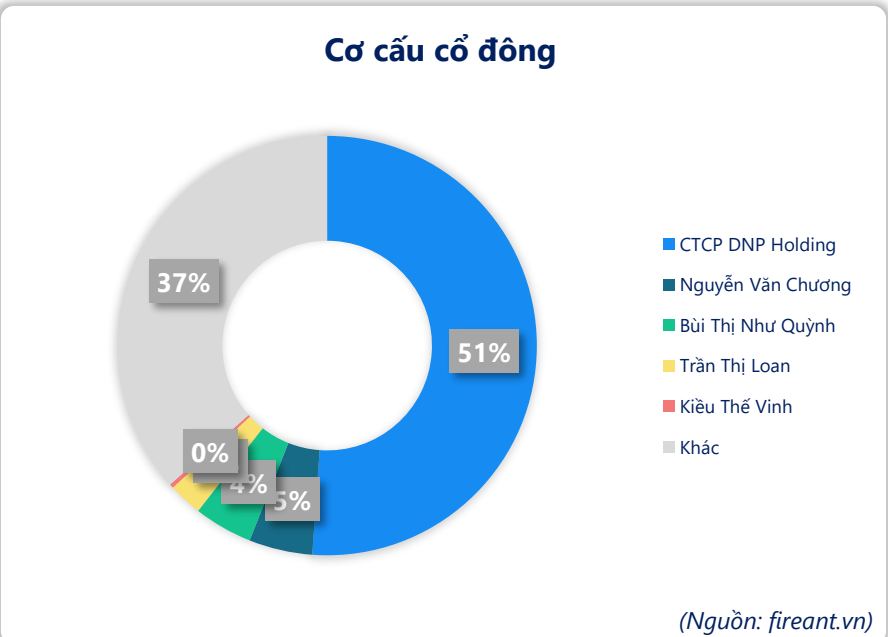
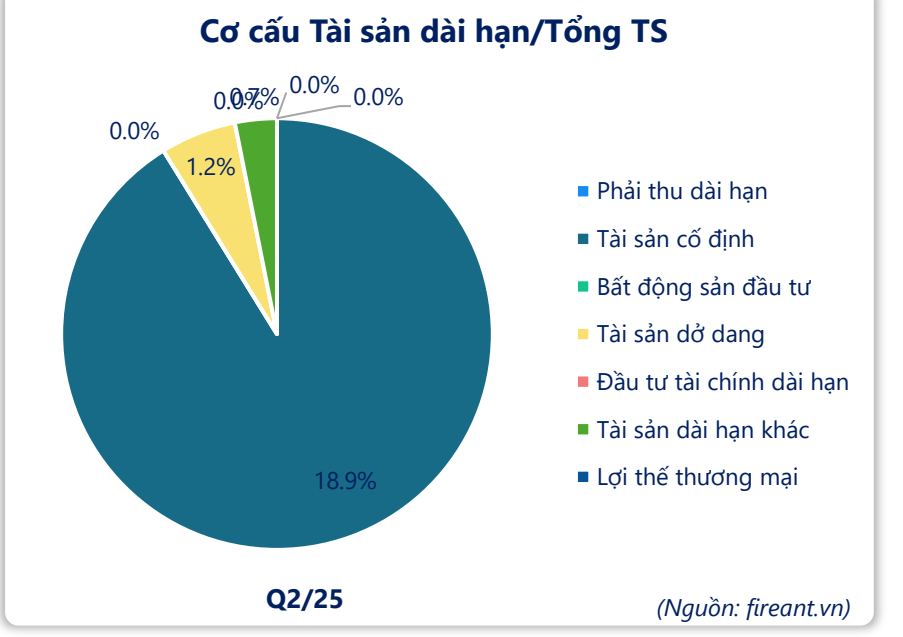
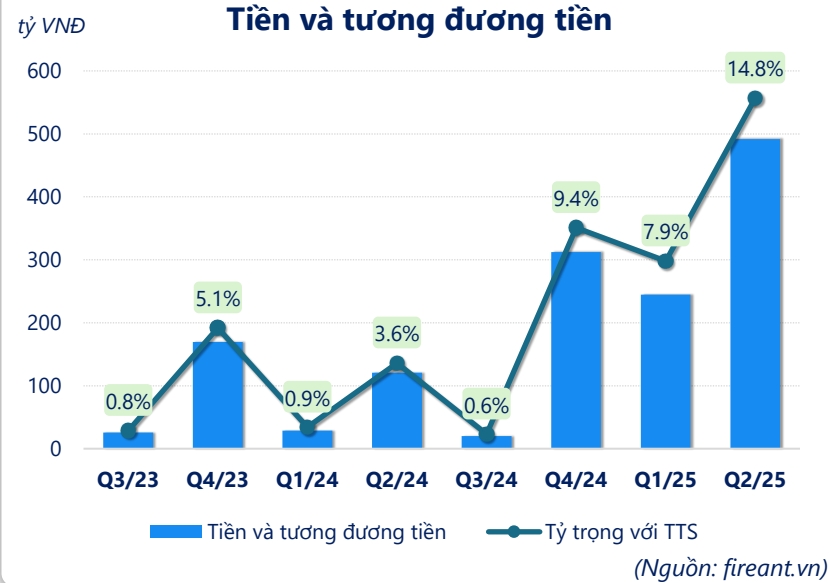
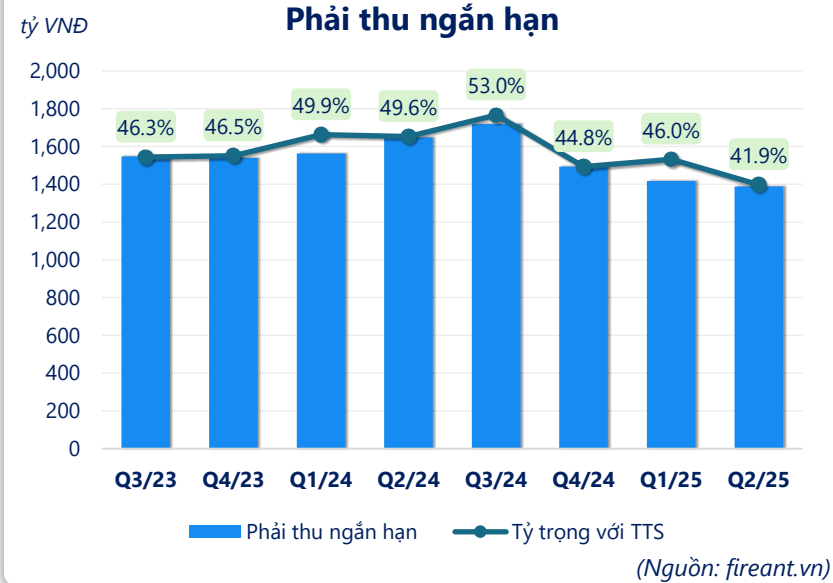
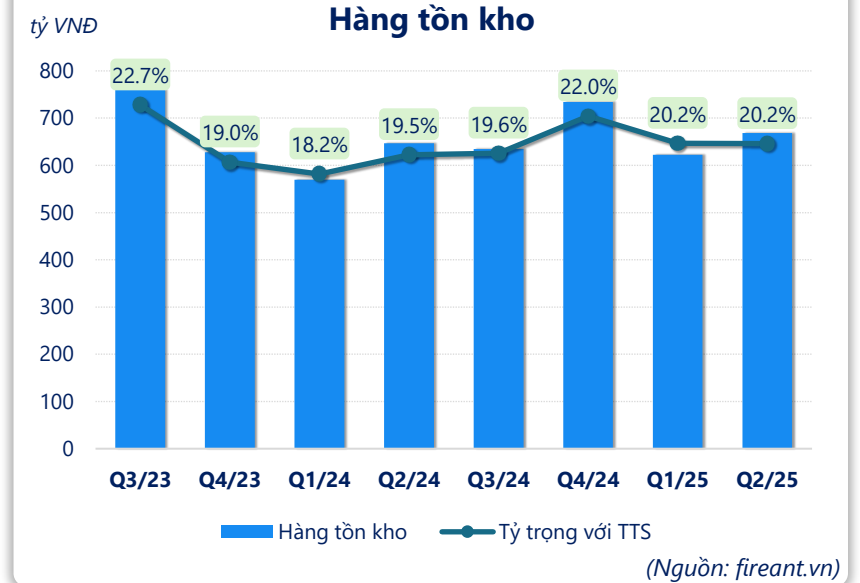
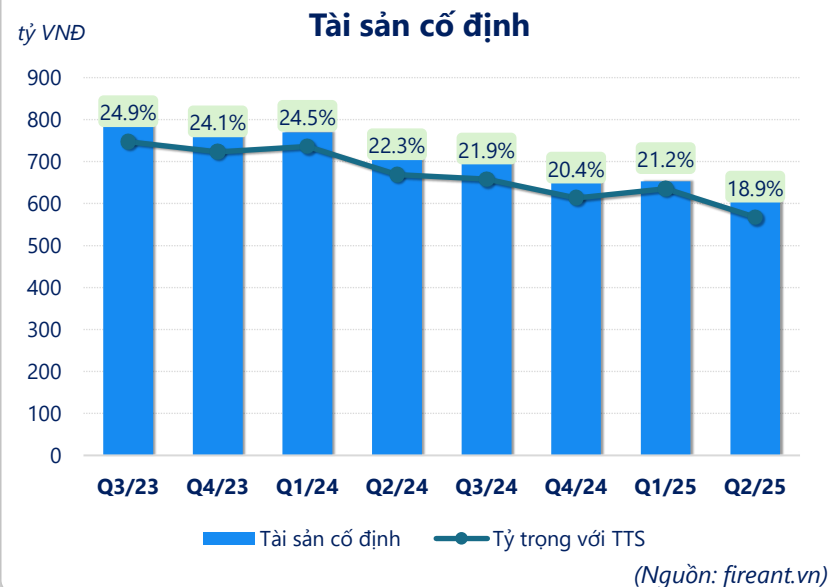
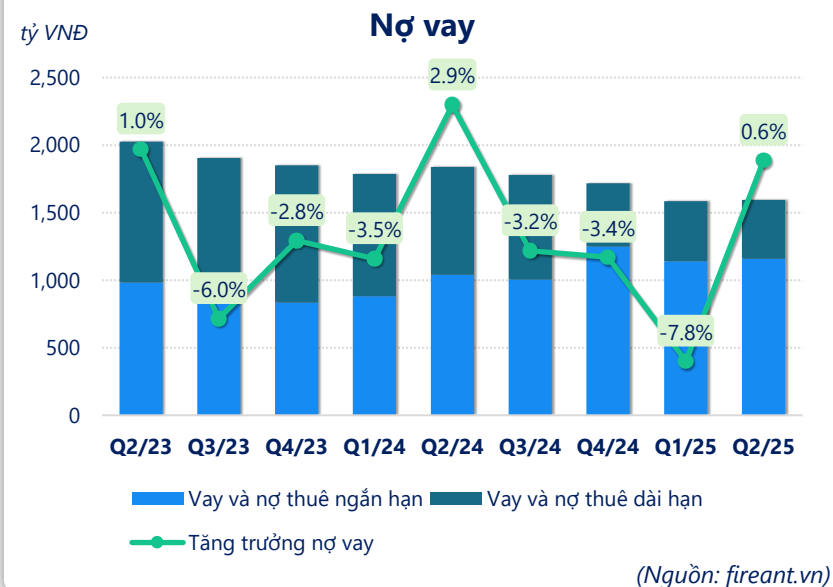
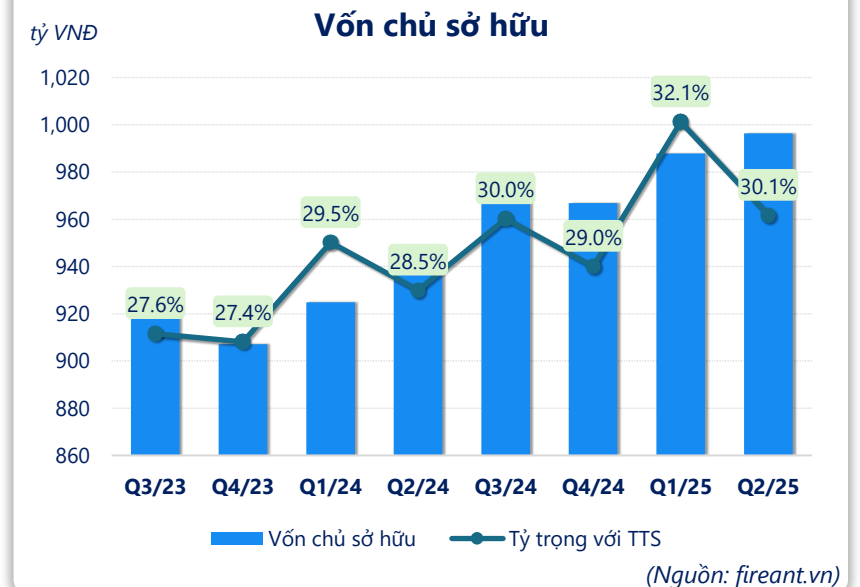
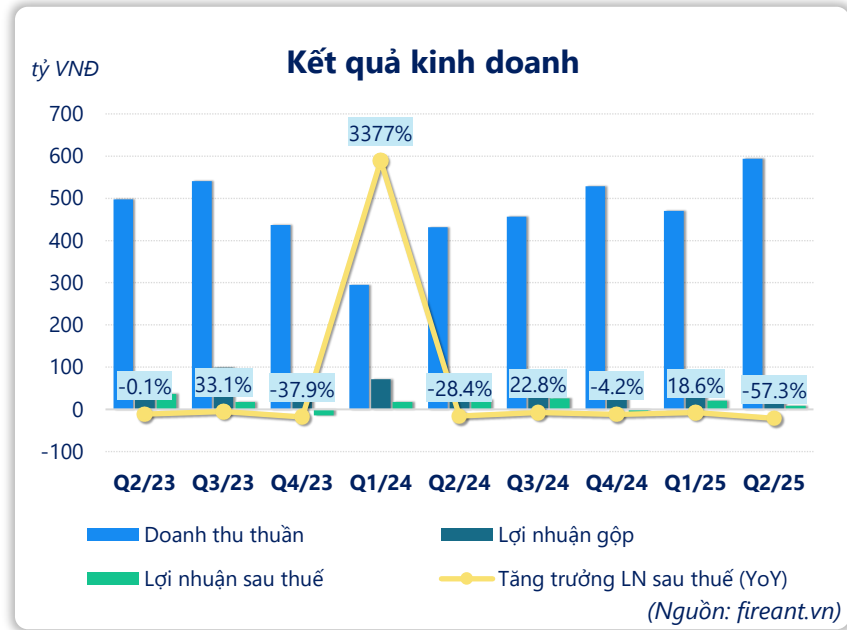
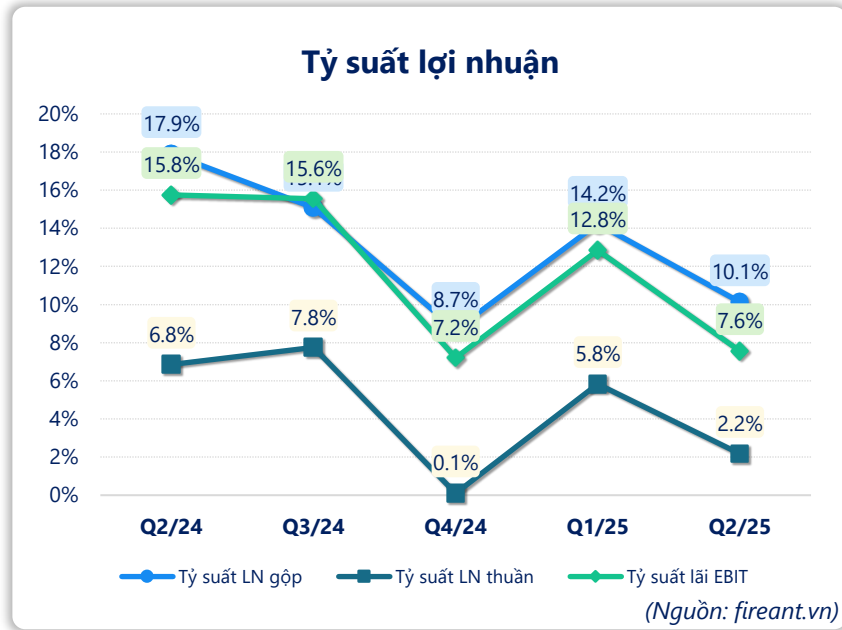
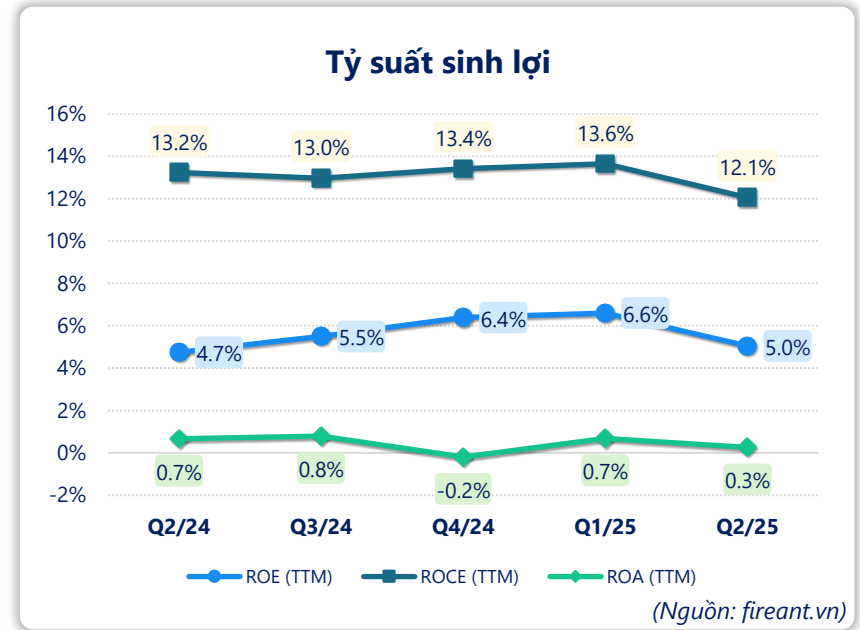
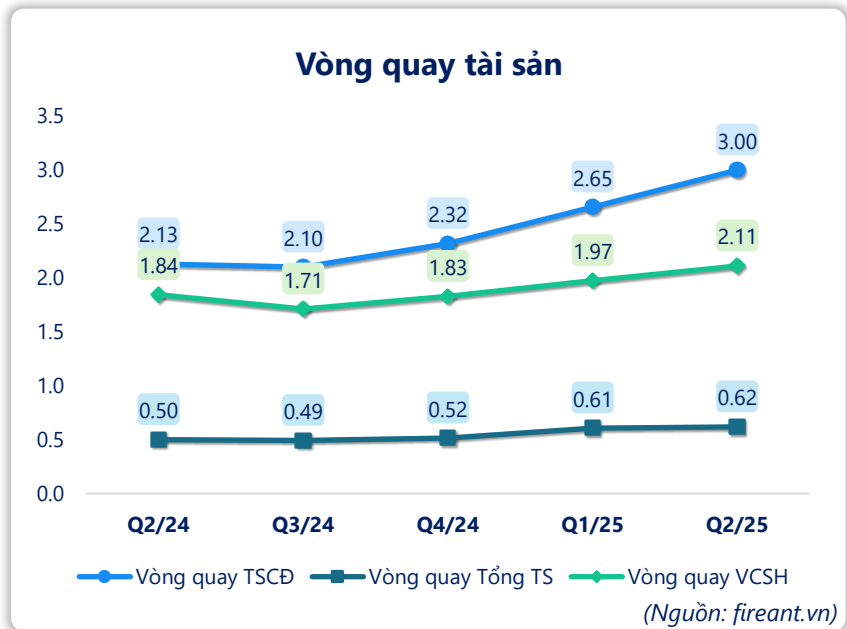
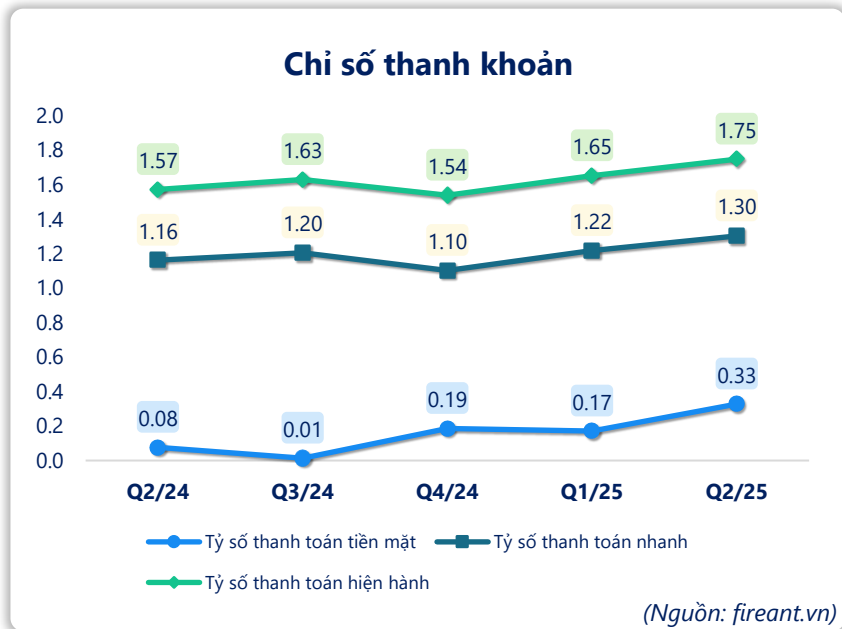
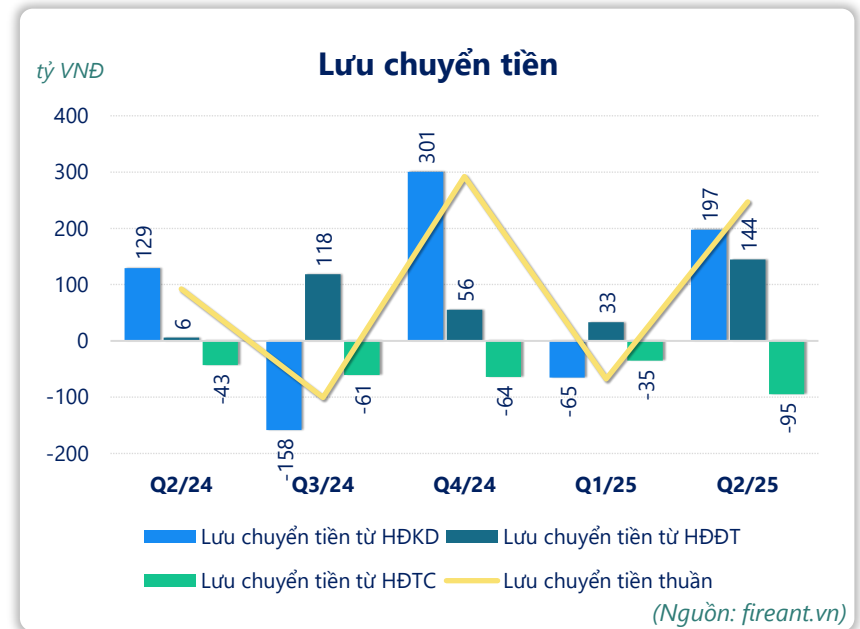


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,200
SL cổ phiếu LH		36,690,887
KLGD BQ 20 phiên (CP)		730
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,000
P/E		20.4
EPS		1,337

	YTD	1T	3T	6T
CVT	7.1%	3.8%	-0.9%	3.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,312	3,335	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	2,625	2,589	1.4%
Tiền và tương đương tiền	492	312	57.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.3	44.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,388	1,493	-7.0%
Hàng tồn kho	668	734	-8.9%
Tài sản ngắn hạn khác	31.9	5.36	494%
Tài sản dài hạn	687	746	-7.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	627	681	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.1	36.5	7.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	21.5	28.3	-23.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,312	2,364	-2.2%
Nợ ngắn hạn	1,501	1,682	-10.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,158	1,248	-7.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	187	243	-22.8%
Nợ dài hạn	811	682	18.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	436	470	-7.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,000	971	3.0%
Vốn chủ sở hữu	996	967	3.0%
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	3.23	3.64	-11.2%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	432	456	529	470	593
Giá vốn hàng bán	354	388	483	403	533
Lợi nhuận gộp	77.3	68.9	45.9	67.0	60.1
Doanh thu HĐTC	27.1	41.1	31.4	26.9	26.6
Chi phí TC	41.8	40.5	39.9	35.4	36.7
Chi phí lãi vay	39.2	37.7	37.8	34.2	33.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	16.4	16.5	17.2	16.2	22.0
Chi phí QLDN	16.7	17.5	19.6	14.8	15.1
LN thuần từ HĐKD	29.6	35.4	0.53	27.5	12.9
Lợi nhuận khác	-0.81	-2.10	-0.17	-1.22	-1.73
LN trước thuế	28.8	33.3	0.36	26.2	11.2
Lợi nhuận sau thuế	22.5	26.0	-6.45	21.0	8.50
LNST của CĐ cty mẹ	22.5	26.0	-6.46	21.0	8.49

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	129	-158	301	-65.2	197
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.96	118	55.6	33.3	144
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-43.1	-60.6	-64.2	-35.3	-94.7
Tiền đầu kỳ	28.5	121	20.0	312	245
Lưu chuyển tiền thuần	92.1	-101	292	-67.2	247
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	-0.05
Tiền cuối kỳ	121	20.0	312	245	492

(Nguồn: fireant.vn)